
CÔNG TY CP KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2008	8 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2008	11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2008	12 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn (gọi tắt là Công ty) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tiền thân là Công ty Kinh doanh Thủy hải sản - Doanh nghiệp nhà nước, trực thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn.

Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Kinh doanh Thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005759 ngày 20 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã ba (03) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0300523755. Thay đổi lần thứ ba (03) gần đây nhất (ngày 30 tháng 7 năm 2009) về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn cổ phần	Tỷ lệ (%)
Đại diện vốn Nhà nước - Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn. Đại diện:	5.867.800	58.678.000.000	66,68
- Ông Đào Xuân Đức			
- Ông Nguyễn Thanh Sơn			
- Ông Nguyễn Anh Tùng			
- Ông Nguyễn Văn Công Hậu			
- Ông Trương Tiến Dũng			
Đại diện vốn cổ đông cá nhân:			
- Ông Tạ Bá Thuyết	500.000	5.000.000.000	5,68
- Các cổ đông khác	2.432.200	24.322.000.000	27,64
Cộng	8.800.000	88.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (84 - 8) 37 754 810

Fax : (84 - 8) 38 754 808

Mã số thuế : 0 3 0 0 5 2 3 7 5 5

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Xí nghiệp chế biến Thực phẩm Thủy sản Chợ Lớn	Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Trung tâm Kinh doanh và Dịch vụ APT	157 Hương Phú, phường 8, quận 8, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Xí nghiệp chế biến Thực phẩm Thủy sản Bình Thới	Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Xí nghiệp kinh doanh nuôi trồng Thủy sản	Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Xí nghiệp thu mua cung ứng Nông Hải sản xuất khẩu	Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Các đơn vị trực thuộc của Công ty hoạt động theo phương thức hạch toán báo sổ.

Hoạt động chính của Công ty:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản;
- Mua bán, chế biến thủy hải sản;
- Gia công các mặt hàng thủy hải sản;
- Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc;
- Chế biến nước mắm, nước chấm;
- Sản xuất nước đá;
- Gia công hàng may mặc, các sản phẩm bằng kim loại;
- Sản xuất, mua bán gas NH3;
- Sản xuất các loại cấu kiện từ panel, nhựa xốp, gia công lắp ráp các nhà kho chứa, kho lạnh, khung nhà tiền chế, các loại vách ngăn cách nhiệt, các tấm trần bằng cấu kiện panel và tole trần nhựa, các loại bao bì, các loại hộp thực phẩm và thức ăn bằng nhựa xốp;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt các loại;
- Kinh doanh ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến;
- Mua bán bao bì, panel nhựa xốp;
- Mua bán cấu kiện, thiết bị lạnh;
- Mua bán thực phẩm, công nghệ phẩm, kim khí, điện máy, xe máy, vật tư phục vụ sản xuất, nông sản, phương tiện vận tải chuyên dùng;
- Mua bán thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu ngư lưới cụ, rượu;
- Ăn uống, nhà nghỉ, massage, xông hơi, sân tennis;
- Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu, sửa chữa cơ điện lạnh;
- Cano lướt ván, chèo thuyền, câu cá, giải trí;
- Cho thuê kho, bãi.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 29).

Trong năm tài chính 2008, Công ty đã tiến hành phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh năm 2007, tuy nhiên việc phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ trong điều kiện chưa bù đắp các khoản lỗ lũy kế từ hoạt động kinh doanh của những năm trước và các quỹ được trích lập trong năm không theo tỷ lệ quy định tại điều lệ Công ty.

SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Trong năm tài chính 2009, Công ty đã có sự thay đổi nhân sự chủ chốt trong Ban Tổng Giám đốc và Bộ phận kế toán. Đặc biệt là thay đổi người đại diện theo pháp luật tại Công ty.

Theo Quyết định số 399/TB-VP ký ngày 13 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận cho Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (đại diện sở hữu phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn) được bán đấu giá phần vốn nhà nước tương ứng 36,68% vốn điều lệ (Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn là 88.000.000.000 VND) với giá khởi điểm là 10.100 VND/cổ phần. Chỉ giữ lại phần vốn nhà nước theo phương án ban đầu là 30% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn. Kết quả bán đấu giá được xác định theo Biên bản xác định kết quả đấu giá ngày 27 tháng 8 năm 2009 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Chí Thành	Chủ tịch	25 tháng 11 năm 2006	26 tháng 02 năm 2008
Ông Đào Xuân Đức	Chủ tịch	26 tháng 02 năm 2008	
Ông Trương Tiến Dũng	Ủy viên	01 tháng 8 năm 2009	
Ông Đỗ Văn Vinh	Ủy viên	25 tháng 11 năm 2006	31 tháng 7 năm 2009
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên	25 tháng 11 năm 2006	
Ông Nguyễn Văn Công Hậu	Ủy viên	25 tháng 11 năm 2006	
Ông Tạ Bá Thuyết	Ủy viên	25 tháng 11 năm 2006	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Anh Tùng	Trưởng ban	25 tháng 11 năm 2006	
Bà Phạm Nguyệt Ánh	Thành viên	23 tháng 12 năm 2008	
Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hà	Thành viên	23 tháng 12 năm 2008	
Bà Phạm Thị Thủy	Thành viên	25 tháng 11 năm 2006	23 tháng 12 năm 2008
Ông Trần Chí Sơn	Thành viên	25 tháng 11 năm 2006	23 tháng 12 năm 2008

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trương Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	01 tháng 8 năm 2009	
Ông Đỗ Văn Vinh	Tổng Giám đốc	25 tháng 11 năm 2006	31 tháng 7 năm 2009
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	02 tháng 01 năm 2007	
Ông Đào Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	02 tháng 01 năm 2007	

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Công Hậu	Phó Tổng Giám đốc	02 tháng 01 năm 2007	
Ông Nguyễn Doãn Đức	Phó Tổng Giám đốc	06 tháng 8 năm 2007	31 tháng 7 năm 2009
Ông Lê Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 4 năm 2008	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Giải pháp Công nghệ thông tin Đại Nam (GS-Audit) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, GS-Audit bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

XÁC NHẬN CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

(đã ký và đóng dấu)

TRƯƠNG TIẾN DŨNG

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 9 năm 2009

Số: 58/2009/BCKT/GS-Audit

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2008 CỦA

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Kính gửi: CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 31 tháng 12 năm 2008, và được điều chỉnh lại ngày 15 tháng 9 năm 2009 từ trang 08 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

CƠ SỞ Ý KIẾN

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam và các Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán được chấp thuận tại Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

HẠN CHẾ CỦA CUỘC KIỂM TOÁN

Công việc kiểm toán được chỉ định sau ngày kết thúc năm tài chính, Chúng tôi đã không tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008. Với những tài liệu hiện có ở Công ty, chúng tôi vẫn không thể kiểm tra, xác định được chính xác số lượng, giá trị và tình trạng hàng tồn kho tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008;

Khoản dự phòng công nợ phải thu ngắn hạn khó đòi của Công ty cổ phần Bảo Vinh được trích lập toàn bộ vào chi phí trong năm, khoản dự phòng này được trích lập căn cứ vào thông tin xác thực về sự khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng không thu hồi được nợ của Công ty cổ phần Bảo Vinh. (Thuyết minh số V.02);

Chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thông tin cần thiết để đối chiếu, xác nhận công nợ của các đối tượng phản ánh trên Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2008, cụ thể:

- Phải thu khách hàng	22.647.263.870	(Thuyết minh V.02);
- Trả trước cho người bán	13.488.151.734	(Thuyết minh V.03);
- Phải thu khác	4.764.401.870	(Thuyết minh V.04);
- Phải trả người bán	9.455.616.567	(Thuyết minh V.15);
- Người mua trả tiền trước	9.902.366.936	(Thuyết minh V.16);
- Phải trả phải nộp khác	30.432.009.521	(Thuyết minh V.20).

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, ngoại trừ những hạn chế nêu trên và các ảnh hưởng (nếu có) đến các chỉ tiêu có liên quan khác trên Báo cáo tài chính năm 2008, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến trình bày ở trên, chúng tôi xin lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 Công ty đã phải chịu một khoản lỗ lũy kế là 133.023.143.415 VND làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 42.942.342.693 VND, và tại thời điểm này, các khoản công nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 129.511.369.216 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính năm 2008 được lập dựa trên giả thiết về khả năng hoạt động liên tục do có cam kết tài trợ vốn từ chủ sở hữu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Giải pháp Công nghệ thông tin Đại Nam (GS-Audit)

(*đã ký và đóng dấu*)

(*đã ký*)

Nguyễn Quang Toàn - Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1057/KTV

Tô Thị Ngọc Thùy - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1351/KTV

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 9 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		332.472.656.701	402.210.480.291
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	12.067.504.230	18.869.513.895
1. Tiền	111		12.067.504.230	18.869.513.895
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		146.511.597.339	143.322.145.179
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	174.767.212.985	121.527.079.132
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	26.003.395.970	21.174.369.020
3. Các khoản phải thu khác	135	V.04	6.360.308.537	3.941.381.960
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.05	(60.619.320.153)	(3.320.684.933)
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	164.914.412.455	223.013.426.519
1. Hàng tồn kho	141		171.954.446.882	224.626.087.523
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.040.034.427)	(1.612.661.004)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.979.142.677	17.005.394.698
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	36.846.180	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.025.986.981	2.729.517.482
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.08	10.656.154	27.656.154
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.09	3.905.653.362	14.248.221.062
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		86.572.631.254	90.854.452.252
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		54.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	218	V.10	54.000.000	-
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		67.244.531.777	66.134.228.903
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	63.338.636.092	64.063.031.610
<i>Nguyên giá</i>	222		88.158.175.287	81.176.576.419
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(24.819.539.195)	(17.113.544.809)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	3.905.895.685	2.071.197.293
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		19.274.099.477	24.720.223.349
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	19.274.099.477	24.720.223.349
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		419.045.287.955	493.064.932.543

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		464.178.615.553	411.541.460.893
I. Nợ ngắn hạn	310		464.175.010.822	409.454.014.224
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	315.243.097.279	288.821.083.143
2. Phải trả người bán	312	V.15	72.302.969.747	78.349.722.671
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	10.702.366.936	7.317.372.969
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	5.348.225.618	1.366.805.512
5. Phải trả người lao động	315	V.18	1.721.790.738	2.706.564.011
6. Chi phí phải trả	316	V.19	2.814.497.440	251.206.740
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	56.042.063.064	30.641.259.178
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.604.731	2.087.446.669
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	1.592.134.998
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.21	3.604.731	495.311.671
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(45.133.327.598)	81.523.471.650
I. Vốn chủ sở hữu	410		(45.382.306.019)	81.594.407.126
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	88.000.000.000	88.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.22	1.621.017.335	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.22	210.804.966	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.22	(135.214.128.320)	(6.405.592.874)
5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	V.22	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		248.978.421	(70.935.476)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.23	248.978.421	(70.935.476)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		419.045.287.955	493.064.932.543

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2009

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc**

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký và đóng dấu)

ĐOÀN THỊ THU HÀ**PHẠM NGUYỆT ÁNH****TRƯƠNG TIẾN DŨNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	735.195.914.455	759.439.389.125
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.338.740.823	4.518.272.097
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	732.857.173.632	754.921.117.028
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	714.897.313.076	690.499.063.234
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.959.860.556	64.422.053.794
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	16.004.762.265	9.797.896.730
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	62.933.077.965	24.473.672.056
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		50.734.834.698	20.406.876.119
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	27.867.762.142	33.941.446.791
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	67.875.066.177	9.567.218.103
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(124.711.283.463)	6.237.613.574
11. Thu nhập khác	31	VI.07	4.740.523.869	151.316.488
12. Chi phí khác	32		32.650.524	533.236.570
13. Lợi nhuận khác	40		4.707.873.345	(381.920.082)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(120.003.410.118)	5.855.693.492
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		467.922.645	443.456.294
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.08	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(120.471.332.763)	5.412.237.198
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	677

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký và đóng dấu)

ĐOÀN THỊ THU HÀ

PHẠM NGUYỆT ÁNH

TRƯƠNG TIẾN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		900.831.519.755	923.218.961.472
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH&DV	02		(609.389.876.056)	(1.112.272.876.573)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(39.746.496.946)	(35.771.645.209)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(35.567.820.716)	(19.898.558.558)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(499.378.402)	(402.558.657)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.628.203.207.811	1.426.060.097.964
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.874.059.532.053)	(1.161.937.375.924)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh	20		(30.228.376.607)	18.996.044.515
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(8.816.297.260)	-
2. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào Đ/vị khác	26		3.514.117.080	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		369.764.224	619.882.062
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư	30		(4.932.415.956)	619.882.062
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	31		863.701.194.918	815.403.724.742
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	32		(835.474.321.508)	(849.946.820.307)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	33		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính	40		28.226.873.410	(34.543.095.565)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(6.933.919.153)	(14.927.168.988)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.01	18.869.513.895	33.837.715.748
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		131.909.488	(41.032.865)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	12.067.504.230	18.869.513.895

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký và đóng dấu)

ĐOÀN THỊ THU HÀ

PHẠM NGUYỆT ÁNH

TRƯƠNG TIẾN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2008

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Nuôi trồng thủy sản;
 - Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản;
 - Mua bán, chế biến thủy hải sản;
 - Gia công các mặt hàng thủy hải sản;
 - Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc;
 - Chế biến nước mắm, nước chấm;
 - Sản xuất nước đá;
 - Gia công hàng may mặc, các sản phẩm bằng kim loại;
 - Sản xuất, mua bán gas NH3;
 - Sản xuất các loại cấu kiện từ panel, nhựa xốp, gia công lắp ráp các nhà kho chứa, kho lạnh, khung nhà tiền chế, các loại vách ngăn cách nhiệt, các tấm trần bằng cấu kiện panel và tole trần nhựa, các loại bao bì, các loại hộp thực phẩm và thức ăn bằng nhựa xốp;
 - Mua bán xăng, dầu, nhớt các loại;
 - Kinh doanh ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến;
 - Mua bán bao bì, panel nhựa xốp;
 - Mua bán cấu kiện, thiết bị lạnh;
 - Mua bán thực phẩm, công nghệ phẩm, kim khí, điện máy, xe máy, vật tư phục vụ sản xuất, nông sản, phương tiện vận tải chuyên dùng;
 - Mua bán thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu ngư lưới cụ, rượu;
 - Ăn uống, nhà nghỉ, massage, xông hơi, sân tennis;
 - Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu, sửa chữa cơ điện lạnh;
 - Cano lướt ván, chèo thuyền, câu cá, giải trí;
 - Cho thuê kho, bãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm 2008 là năm tài chính thứ hai (02) của Công ty khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25
Máy móc và thiết bị	04 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 12
Thiết bị văn phòng	04 - 06
Tài sản cố định khác	04 - 12

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả phải nộp khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

9. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2007	: 16.114 VND/USD
	31/12/2008	: 16.977 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

17. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2008 Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003, Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005, Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và đã được Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 như sau:

VAS 17	Thuế thu nhập doanh nghiệp
VAS 18	Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng
VAS 21	Trình bày báo cáo tài chính
VAS 23	Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
VAS 26	Thông tin về các bên liên quan
VAS 27	Báo cáo tài chính giữa niên độ
VAS 28	Báo cáo bộ phận
VAS 29	Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót
VAS 30	Lãi trên cổ phiếu

Ngoài các ảnh hưởng mà hiện Công ty đang phân tích đánh giá của các chuẩn mực kế toán mới nêu trên, trong năm không có sự thay đổi nào khác về chính sách kế toán tại Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VII.01.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.141.778.036	4.205.919.936
Tiền gửi ngân hàng	9.925.726.194	14.663.593.959
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>12.067.504.230</u>	<u>18.869.513.895</u>

2. Phải thu khách hàng

Đối tượng khách hàng phải thu là các tổ chức, pháp nhân có quan hệ mua hàng trong nước. Chi tiết công nợ tại Văn phòng và các đơn vị trực thuộc như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	955.890.172	3.680.693.436
Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	22.486.610.770	16.300.136.916
Xí nghiệp Chợ Lớn (*)	73.332.447.538	51.090.856.838
Trung tâm Kinh doanh và dịch vụ APT	5.371.474.829	7.077.057.937
Phòng Kinh doanh Xuất Nhập khẩu	17.066.565.212	24.964.524.066
Xí nghiệp Chế biến Bình Thới	29.282.018.057	5.464.155.192
Xí nghiệp Nuôi trồng Thủy sản	18.222.769.487	9.222.961.550
Xí nghiệp Nông hải sản	7.956.352.882	3.622.609.159
Trung tâm Thương mại APT	93.084.038	104.084.038
Cộng	<u>174.767.212.985</u>	<u>121.527.079.132</u>

(*) Trong đó khoản phải thu của Công ty cổ phần Bảo Vinh (trước đây là Công ty TNHH Bảo Vinh) tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 50.793.016.862 VND. Đây là khoản công nợ phát sinh rủi ro trong việc thu hồi và đã được Trung tâm trọng tài Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh hòa giải theo Quyết định số 04/2008/QĐ-TT-HGT ngày 29 tháng 10 năm 2008. Công ty đánh giá khoản công nợ khó có khả năng thu hồi nên đã quyết định trích lập dự phòng 100% vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng chưa được đối chiếu, xác nhận đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 22.647.263.870 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán**

Các khoản ứng trước tiền mua sản phẩm, dịch vụ cho nhà cung cấp là các tổ chức, pháp nhân. Chi tiết công nợ tại Văn phòng và các đơn vị trực thuộc như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	19.306.341.816	18.847.181.967
Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	5.531.169.000	420.434.000
Trung tâm Kinh doanh và dịch vụ APT	64.841.401	177.884.730
Xí nghiệp Bình Thới	244.725.000	264.725.000
Xí nghiệp nuôi trồng Thủy sản	791.632.332	597.967.059
Xí nghiệp Nông hải sản	64.686.421	866.176.264
Trung tâm Thương mại APT		
Cộng	26.003.395.970	21.174.369.020

Các khoản trả trước cho người bán chưa được đối chiếu, xác nhận đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 13.488.151.734 VND.

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	3.573.589.582	2.646.452.787
Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	1.896.040.304	272.413.460
Xí nghiệp Chợ Lớn	77.764.882	77.764.882
Trung tâm Kinh doanh và dịch vụ APT	399.214.570	466.195.700
Xí nghiệp Bình Thới	4.076.000	-
Xí nghiệp nuôi trồng Thủy sản	20.227.515	29.458.322
Xí nghiệp Nông hải sản	7.377.110	13.078.235
Trung tâm Thương mại APT	382.018.574	436.018.574
Cộng	6.360.308.537	3.941.381.960

Các khoản phải thu khác chưa được đối chiếu, xác nhận đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 4.764.401.870 VND.

5. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	1.182.298.220	1.182.298.220
Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	602.382.077	-
Xí nghiệp Chợ Lớn	54.959.741.744	1.000.162.217
Trung tâm Kinh doanh và dịch vụ APT	726.743.990	606.371.397
Phòng Kinh doanh Xuất Nhập khẩu	1.207.714.363	-
Xí nghiệp Bình Thới	893.195.506	-
Xí nghiệp Nông hải sản	571.641.641	56.250.487
Trung tâm Thương mại APT	475.602.612	475.602.612
Cộng	60.619.320.153	3.320.684.933

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	5.726.561.770	16.097.946.525
Công cụ, dụng cụ	5.906.408	15.550.950
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	124.868.951.363	156.868.076.851
Thành phẩm	36.073.388.537	40.037.362.664
Hàng hóa	5.158.651.758	8.842.713.906
Hàng gửi đi bán	120.987.046	2.764.436.627
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	171.954.446.882	224.626.087.523
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.040.034.427)	(1.612.661.004)
Giá trị thuần có thể thực hiện	164.914.412.455	223.013.426.519

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác phục vụ cho hoạt động Công ty, còn phải phân bổ trong thời gian không quá 12 tháng.

Số đầu năm	-
Tăng trong năm	14.849.017.771
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(13.777.843.478)
Kết chuyển giảm khác	(1.034.328.113)
Số cuối năm	36.846.180

8. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

Khoản thuế xuất nhập khẩu nộp thừa còn phải thu.

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	826.301.746	799.895.186
Tạm ứng	3.012.621.573	13.381.595.833
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	66.730.043	66.730.043
Cộng	3.905.653.362	14.248.221.062

10. Phải thu dài hạn khác

Khoản đặt cọc tiền thuê mặt bằng cho Sài Gòn CO.OP.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tài sản cố định hữu hình**

Bảng chi tiết tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	37.145.635.981	28.523.287.987	9.471.506.476	453.650.816	5.582.495.159	81.176.576.419
Tăng trong năm	150.836.588	6.797.844.098	-	-	32.918.182	6.981.598.868
Mua sắm mới	-	5.952.179.707	-	-	32.918.182	5.985.097.889
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	845.664.391	-	-	-	845.664.391
Tăng khác	150.836.588					150.836.588
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>37.296.472.569</u>	<u>35.321.132.085</u>	<u>9.471.506.476</u>	<u>453.650.816</u>	<u>5.615.413.341</u>	<u>88.158.175.287</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	2.138.262.754	232.489.458	28.633.846	-	2.399.386.058
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.572.229.363	9.929.073.199	2.542.853.170	153.841.338	1.915.547.739	17.113.544.809
Tăng trong năm	2.054.895.981	3.600.235.811	1.028.056.377	66.967.832	955.838.385	7.705.994.386
Khấu hao trong năm	2.054.895.981	3.600.235.811	1.028.056.377	66.967.832	955.838.385	7.705.994.386
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>4.627.125.344</u>	<u>13.529.309.010</u>	<u>3.570.909.547</u>	<u>220.809.170</u>	<u>2.871.386.124</u>	<u>24.819.539.195</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	34.573.406.618	18.594.214.788	6.928.653.306	299.809.478	3.666.947.420	64.063.031.610
Số cuối năm	<u>32.669.347.225</u>	<u>21.791.823.075</u>	<u>5.900.596.929</u>	<u>232.841.646</u>	<u>2.744.027.217</u>	<u>63.338.636.092</u>

Các cam kết về việc mua, bán, chuyển giao tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện.

Toàn bộ tài sản nhà của tại Công ty đã được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng và tổ chức cho vay.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Khoản chi phí xây dựng đầu tư công trình trại cá tại xã Tiên Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Tạo	13.855.151.336	14.232.404.425
Tiền thuê đào ao và thuê quầy chợ Bình Điền	4.907.878.810	5.150.660.956
Công cụ dụng cụ và chi phí khác	511.069.331	5.337.157.968
Cộng	<u>19.274.099.477</u>	<u>24.720.223.349</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Vay và nợ ngắn hạn**

Số tiền Công ty vay của các Ngân hàng và tổ chức nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	315.243.097.279	288.821.083.143
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN. Bình Tây	26.962.803.869	68.514.511.272
- Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (Sở Giao dịch II)	130.685.228.944	106.855.771.871
- Ngân hàng TMCP Á Châu	68.899.923.740	-
- Ngân hàng HSBC	-	35.450.800.000
- Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	76.195.140.726	78.000.000.000
- Công ty cổ phần Thủy sản Sài Gòn Cao Lãnh	12.500.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	<u>315.243.097.279</u>	<u>288.821.083.143</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

Đối tượng cho vay	Số tiền vay phát		Số tiền vay đã	
	<u>Số đầu năm</u>	<u>sinh trong năm</u>	<u>trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn	288.821.083.143	863.701.194.918	837.279.180.782	315.243.097.279
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN. Bình Tây	68.514.511.272	182.267.781.603	223.819.489.006	26.962.803.869
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (Sở Giao dịch II)	106.855.771.871	350.973.449.541	327.143.992.468	130.685.228.944
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	213.367.563.774	144.467.640.034	68.899.923.740
Ngân hàng HSBC	35.450.800.000	100.592.400.000	136.043.200.000	-
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	78.000.000.000	-	1.804.859.274	76.195.140.726
Công ty CP Thủy sản Sài Gòn Cao Lãnh	-	16.500.000.000	4.000.000.000	12.500.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
Tổng cộng	<u>288.821.083.143</u>	<u>863.701.194.918</u>	<u>837.279.180.782</u>	<u>315.243.097.279</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Phải trả người bán**

Các khoản còn phải trả cho các đối tượng là tổ chức, pháp nhân trong và ngoài nước có quan hệ cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho Công ty. Chi tiết các khoản phải trả người bán tại văn phòng và các đơn vị trực thuộc như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	1.519.219.373	251.668.780
Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	12.903.344.676	6.319.052.136
Xí nghiệp Chợ Lớn	3.491.836.133	11.172.764.856
Trung tâm Kinh doanh và dịch vụ APT	2.497.283.311	1.660.060.039
Phòng Kinh doanh Xuất Nhập khẩu	5.162.854.895	32.683.479.552
Xí nghiệp Bình Thới	33.411.991.082	10.862.584.422
Xí nghiệp nuôi trồng Thủy sản	8.191.929.864	14.468.056.914
Xí nghiệp Nông hải sản	5.124.510.413	932.055.972
Trung tâm Thương mại APT	-	-
Cộng	<u>72.302.969.747</u>	<u>78.349.722.671</u>

Các khoản phải trả người bán chưa được đối chiếu, xác nhận đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 9.455.616.567 VND.

16. Người mua trả tiền trước

Khoản tiền nhận trước từ các cá nhân, tổ chức, pháp nhân để cung cấp dịch vụ, hàng hóa theo các cam kết đã thỏa thuận trước. Chi tiết các khoản người mua trả tiền trước tại văn phòng và các đơn vị trực thuộc như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	3.934.830.939	1.905.777.919
Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	6.038.264.169	2.275.266.983
Xí nghiệp Chợ Lớn	25.783.907	62.438.950
Trung tâm Kinh doanh và dịch vụ APT	23.669.074	17.278.363
Phòng Kinh doanh Xuất Nhập khẩu	-	527.622.499
Xí nghiệp Bình Thới	-	-
Xí nghiệp nuôi trồng Thủy sản	-	1.000.000.800
Xí nghiệp Nông hải sản	679.818.847	1.528.987.455
Trung tâm Thương mại APT	-	-
Cộng	<u>10.702.366.936</u>	<u>7.317.372.969</u>

Các khoản người mua trả tiền trước chưa được đối chiếu, xác nhận đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 9.902.366.936 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Thuế phải nộp Nhà nước</i>	5.272.801.593	1.366.805.512
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.240.718.823	1.286.379.584
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.647.437.692	16.020.416
Thuế thu nhập cá nhân	102.455.059	64.405.512
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	282.190.019	-
Thuế khác	-	-
<i>Các khoản phải nộp khác</i>	75.424.025	-
Cộng	5.348.225.618	1.366.805.512

+ Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành theo phương pháp khấu trừ thuế.

Thuế suất áp dụng:

- Hải sản chưa qua sơ chế, hàng xuất khẩu : 0%
- Hải sản qua sơ chế : 5%
- Dịch vụ cho thuê kho, lưu kho : 10%

Thuế giá trị gia tăng phát sinh trong năm bao gồm hoạt động tự doanh và hoạt động nhận ủy thác nhập khẩu.

+ Thuế xuất, nhập khẩu

Thuế xuất, nhập khẩu phát sinh trong năm bao gồm các hoạt động tự doanh và nhận ủy thác nhập khẩu.

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế.

Xem Thuyết minh số IV.14.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 là năm tài chính thứ hai (02) Công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần. Năm 2008 Công ty không phải dự tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp vì hoạt động chính của Công ty bị lỗ, tuy nhiên trong năm Công ty có phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của hoạt động kinh doanh nhà hàng nộp theo phương pháp trực tiếp.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty chính thức phải trích nộp khi có thanh quyết toán của Cơ quan thuế vụ.

+ Thuế nhà đất, tiền thuê đất

Thuế nhà đất, tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

+ Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương năm 2008 còn phải thanh toán cho người lao động.

19. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	2.190.984.905	-
Xí nghiệp Đông lạnh Thắng Lợi	228.681.936	75.538.905
Xí nghiệp Chợ Lớn	4.632.907	-
Trung tâm Kinh doanh và dịch vụ APT	134.333.315	44.640.465
Phòng Kinh doanh Xuất Nhập khẩu	-	-
Xí nghiệp Bình Thới	-	-
Xí nghiệp nuôi trồng Thủy sản	152.300.551	-
Xí nghiệp Nông hải sản	103.563.826	131.027.370
Trung tâm Thương mại APT	-	-
Cộng	<u>2.814.497.440</u>	<u>251.206.740</u>

20. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	14.490.011	-
Kinh phí công đoàn	85.000.000	174.616.263
Phải trả về cổ phần hóa	11.267.612.814	3.267.612.814
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	17.819.910.131	3.943.934.703
Cổ tức phải trả các cổ đông	2.067.886.400	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>24.787.163.708</u>	<u>23.255.095.398</u>
Cộng	<u>56.042.063.064</u>	<u>30.641.259.178</u>

(*) Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn chưa được đối chiếu, xác nhận đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 30.432.009.521 VND.

21. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	495.311.671
Số trích lập trong năm	713.206.010
Số chi trong năm	<u>(1.204.912.950)</u>
Cộng	<u>3.604.731</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**22. Vốn đầu tư của chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	58.842.279.691	-	-	(11.817.830.072)	47.024.449.619
Vốn tăng năm trước	29.157.720.309	-	-	-	29.157.720.309
Lãi tăng năm trước	-	-	-	5.412.237.198	5.412.237.198
Số dư cuối năm trước (Đầu năm nay)	88.000.000.000	-	-	(6.405.592.874)	81.594.407.126
Tăng vốn trong năm	-	1.621.017.335	210.804.966	-	1.831.822.301
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	(2.464.237.198)	(2.464.237.198)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(2.948.000.000)	(2.948.000.000)
Thuế truy thu	-	-	-	(2.924.965.485)	(2.924.965.485)
Lỗ tăng năm nay	-	-	-	(120.471.332.763)	(120.471.332.763)
Số dư cuối năm nay	88.000.000.000	1.621.017.335	210.804.966	(135.214.128.320)	(45.382.306.019)

(*) Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận giữ lại năm trước.

Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

Tên Cổ đông sáng lập	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD		Số vốn đã góp đến cuối năm	Tỷ lệ (%)
	Số cổ phần	Thành tiền		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	5.867.800	58.678.000.000	58.678.000.000	100,00
Ông Tạ Bá Thuyết	500.000	5.000.000.000	5.000.000.000	100,00
Các cổ đông khác	2.432.200	24.322.000.000	24.322.000.000	100,00
Cộng	8.800.000	88.000.000.000	88.000.000.000	100,00

Cổ tức

Cổ tức đã được ghi nhận trong Báo cáo tài chính năm 2008 như sau:

Cổ tức năm trước 2.948.000.000

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</i>	<i>Chi quỹ trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Quỹ khen thưởng	(215.581.520)	632.414.897	233.800.000	183.033.377
Quỹ phúc lợi	(144.646.044)	29.148.000	107.849.000	65.945.044
Cộng	(70.935.476)	661.562.897	341.649.000	248.978.421

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	735.195.914.455	759.439.389.125
- Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	693.651.503.874	725.557.674.158
- Doanh thu dịch vụ cho thuê mặt bằng	41.544.410.581	33.881.714.967
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.338.740.823	4.518.272.097
- Hàng bán bị trả lại	2.191.321.233	4.174.538.080
- Giảm giá hàng bán	49.825.600	224.251.756
- Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	97.593.990	119.482.261
Doanh thu thuần	732.857.173.632	754.921.117.028
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	691.312.763.051	721.039.402.061
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	41.544.410.581	33.881.714.967

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã cung cấp	682.392.933.916	664.690.199.736
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	32.504.379.160	25.808.863.498
Cộng	714.897.313.076	690.499.063.234

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.400.963.690	6.198.418.495
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.026.549.784	3.529.988.639
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	575.403.571	66.414.656
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.845.220	3.074.940
Cộng	16.004.762.265	9.797.896.730

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	50.734.834.698	20.406.876.119
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.198.243.267	3.099.328.351
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	967.467.586
Cộng	<u>62.933.077.965</u>	<u>24.473.672.056</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.694.437.384	8.225.801.734
Chi phí vật liệu bao bì	542.369.283	714.329.749
Chi phí công cụ, đồ dùng	487.698.377	518.915.209
Chi phí khấu hao tài sản cố định	896.152.565	972.378.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.297.935.217	20.655.042.166
Các chi phí bằng tiền khác	2.949.169.316	2.854.979.131
Cộng	<u>27.867.762.142</u>	<u>33.941.446.791</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6 673 803 548	5 614 534 494
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	171 288 242	149 786 569
Chi phí công cụ, đồ dùng	69 865 293	475 332 621
Chi phí khấu hao tài sản cố định	581 725 430	424 841 083
Thuế, phí và lệ phí	498 280 219	221 617 006
Chi phí dự phòng	57 298 635 220	346 577 513
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1 524 103 706	1 526 287 887
Các chi phí bằng tiền khác	1 057 364 519	808 240 930
Cộng	<u>67.875.066.177</u>	<u>9.567.218.103</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền chuyển quyền sử dụng quầy bán hàng	3.514.117.080	-
Thu nhập khác	1.226.406.789	151.316.488
Cộng	<u>4.740.523.869</u>	<u>151.316.488</u>

8. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận do không có các khoản chênh lệch tạm thời lớn giữa cơ sở tính thuế giữa các khoản mục tài sản và nợ và giá trị ghi sổ của các khoản mục đó trong báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	Chủ sở hữu Công ty - Công ty mẹ

Tại ngày kết thúc năm tài chính, vốn góp, số dư nợ vay và các khoản công nợ của Công ty mẹ như sau:

	Số tiền
Góp vốn cổ phần (*)	58.678.000.000
Phải thu thương mại	12.757.998
Phải thu khác	112.649.543
Phải trả thương mại	4.737.567.022
Phải trả nợ gốc vay	76.195.140.726
Lãi vay phải trả	14.341.492.095
Phải trả cổ tức	1.965.713.000
Phải trả khác	3.478.418.036

(*) Xem Thuyết minh V.22

2. Khả năng hoạt động liên tục

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 Công ty đã phải chịu một khoản lỗ lũy kế là 133.023.143.415 VND làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 42.942.342.693 VND, và tại thời điểm này, các khoản công nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 129.511.369.216 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính năm 2008 được lập dựa trên giả thiết về khả năng hoạt động liên tục do có cam kết tài trợ vốn từ chủ sở hữu.

3. Thông tin so sánh

Báo cáo tài chính năm 2007 của Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía nam. Các số liệu so sánh liên quan đến năm 2007 trên báo cáo tài chính năm 2008 (bao gồm: số dư đầu năm, tình hình kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ năm trước) đã được ghi nhận trên báo cáo nêu trên.

4. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	79,34	81,57
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	20,66	18,43
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	110,25	83,47
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	(10,25)	16,53

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,91	1,20
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,72	0,98
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,03	0,05
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	-	0,78
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	-	0,72
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	-	1,19
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	-	1,10
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	-	6,64
Tốc độ chu chuyển vốn lưu động			
Doanh thu thuần/Tài sản ngắn hạn bình quân	Vòng/Lần	2,00	1,86

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2009

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc**

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký và đóng dấu)

ĐOÀN THỊ THU HÀ**PHẠM NGUYỆT ÁNH****TRƯƠNG TIẾN DŨNG**